

Số: 1393/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học
ngành Quản lý nhà nước

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 918/QĐ-BKHĐT ngày 19/05/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐHVCSPT ngày 02/11/2021 của Hội đồng Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 1028/QĐ-HVCSPT ngày 25/08/2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và phát triển về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý nhà nước;

Căn cứ đề xuất của viện Chính sách công và Biên bản thông qua các chương trình đào tạo cập nhật năm 2023 của Hội đồng khoa học và đào tạo Học viện.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý nhà nước, áp dụng từ Khóa 14 tuyển sinh năm 2023. (có mô tả chương trình đào tạo chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo, Viện trưởng Viện Chính sách công, Người đứng đầu các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám đốc Học viện (để chỉ đạo t/h);
- Các đơn vị thuộc Học viện;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (04 bản).

GIÁM ĐỐC

PGS,TS. Trần Trọng Nguyên

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1393/QĐ-HVCSPT ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: **Quản lý nhà nước**

Tên tiếng Anh: State management

- Mã số ngành đào tạo: **7310205**

- Tên chuyên ngành: **Quản lý công**

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 3,5 – 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt: Cử nhân quản lý nhà nước

Tên tiếng Anh: The Degree of Bachelor in State management

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Chính sách công

1.2. Mục tiêu đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân về Quản lý công có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội, tinh thần vì cộng đồng xã hội; tuân thủ pháp luật, nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội; có kiến thức chuyên sâu về quản lý công, quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế; có tư duy nghiên cứu độc lập, năng động, sáng tạo; có năng lực tự học bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức đáp ứng yêu cầu phát triển và thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

Việc đào tạo cử nhân chuyên ngành Quản lý công tại Học viện Chính sách và Phát triển hướng đến các mục tiêu sau:

MT1: Đào tạo cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, chính sách công và triển khai thực hiện các chính sách ở các cấp độ khác nhau trong bộ máy hành chính nhà nước;

MT2: Đào tạo cho người học những kiến thức chuyên sâu về quản lý công, quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, quản lý nhân lực; phân tích chính sách để có thể làm chuyên viên, cán bộ quản lý tại các phòng, ban chuyên môn tổ chức công. Sự kết hợp giữa kiến thức quản lý nhà nước và quản lý công sở hiện đại sẽ giúp sinh viên có thể nhanh chóng hòa nhập với môi trường làm việc, có đủ kiến thức và năng lực để đảm nhiệm tốt các yêu cầu của công việc.

MT4: Trang bị cho người học kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm; kỹ năng hoạch định và đề xuất các giải pháp chính sách, quản lý phù hợp cho tổ chức, đơn vị.

MT5: Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một nhà quản lý, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, có trách nhiệm trong công việc và tinh thần làm việc vì sự phát triển của nhân loại.

1.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học

MT6: Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Có khả năng nghe nói, đọc viết tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 Bậc dùng cho Việt Nam. Sử dụng tốt tiếng Anh trong nghiên cứu, giao tiếp, đàm phán và soạn thảo văn bản, tài liệu về quản lý công, chính sách công và pháp luật khác.

MT7: Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), đây là những chuẩn quốc tế về sử dụng máy tính và tin học văn phòng do tổ chức Certiport của Mỹ cấp. Sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

MT8: Có đủ điều kiện và khả năng tự học, tự nghiên cứu để phát triển trình độ kiến thức chuyên môn trong các lĩnh vực quản lý khác nhau và tham gia đào tạo ở bậc sau đại học trong và ngoài nước.

MT9: Bảo đảm việc liên thông khối kiến thức ngành quản lý chuyên ngành, quản lý kinh tế, chính sách công, hoặc kinh tế và quản lý công, khoa học quản lý, luật kinh tế với các cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam và quốc tế.

MT10: Đảm bảo sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có tư duy và tầm nhìn thực tế về những vấn đề liên quan đến quản lý, kinh tế và xã hội.

1.3. Thông tin tuyển sinh

❖ Đối tượng tuyển sinh:

Thí sinh có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tuyển sinh của Học viện Chính sách và Phát triển.

❖ Phương thức tuyển sinh:

Theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện.

1.4. Điều kiện nhập học

Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào ngành Quản lý nhà nước theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Học viện.

PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Về kiến thức

2.1. Chuẩn về kiến thức

2.1.1. CDR chung của Học viện

[1]. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

[2]. Hiểu, ghi nhớ kiến thức về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, quản lý, đầu tư và kinh doanh trong lĩnh vực công và tư

[3]. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng các công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề về kinh tế, quản lý kinh tế, quản lý công, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, phản biện những vấn đề liên quan đến kinh tế, quản lý.

[4]. Hiểu và phân tích về quy trình chính sách và tác động của chính sách, biết vận dụng các kiến thức về quản lý công trong việc lập kế hoạch, hoạch định, tổ chức thực hiện và đề xuất các hàm ý chính sách cho các chương trình, dự án phát triển và chính sách của một tổ chức.

[5]. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

2.1.2. CDR chung ngành

[6]. Hiểu về vai trò, vị trí tổ chức hệ thống chính trị, bộ máy nhà nước Việt Nam và những nội dung cơ bản trong Hiến pháp Việt Nam

[7]. Hiểu, phân tích và vận dụng kiến thức về các lĩnh vực pháp luật khác như: Pháp luật đầu tư, pháp luật lao động, pháp luật sở hữu trí tuệ, đất đai, môi trường, giao dịch điện tử, thương mại.

2.1.3. CDR riêng của chuyên ngành

[8]. Hiểu, phân tích về bản chất, vai trò của hoạt động của quản lý trong kinh tế, xã hội, đầu tư phát triển, quản lý công; đầu tư công và quan hệ quốc tế trong đầu tư; quản lý tài chính công; quản lý Nhà nước về kinh tế; quản lý nguồn nhân lực;

[9]. Biết vận dụng, sáng tạo các kiến thức về quản lý công, quản lý kinh tế trong nền kinh tế số; có đủ kiến thức để phục vụ quá trình chuyển đổi nền kinh tế và tiến tới nền kinh tế thị trường hiện đại.

2.2. Chuẩn về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

[10]. Có khả năng đánh giá, xử lý tình huống, có khả năng làm việc độc lập dưới áp lực về thời gian và khối lượng công việc, có bản lĩnh nghề nghiệp, có khả năng thích ứng linh hoạt trước diễn biến của thực tiễn.

[11]. Vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn trong phân tích và đề xuất các phương thức quản lý trong các lĩnh vực kinh tế, đầu tư – kinh doanh; vận hành khu vực hành chính công và các hoạt động kinh tế xã hội trong khu vực khác.

2.2.2. Kỹ năng mềm

[12]. Có kỹ năng giao tiếp tốt và thuyết trình: Trình bày một cách rõ ràng, tự tin và thuyết phục các chủ đề về kinh tế, quản lý; khu vực công và xã hội. Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

[13]. Có khả năng sử dụng ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong môi trường làm việc bằng tiếng Anh

[14]. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức và sáng tạo trong điều hành công việc, đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.

2.3. Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp

[15]. Trở thành công dân có sức khỏe tốt, phẩm chất đạo đức tốt, ý thức chấp hành pháp luật trong nghề nghiệp, thái độ hợp tác trong công việc, có trách nhiệm trong công việc được giao, có thái độ hợp tác tốt với đồng nghiệp, tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

[16]. Có khả năng sáng tạo, thích ứng trong môi trường nghề nghiệp mang tính cạnh tranh và quốc tế, sẵn sàng đương đầu với rủi ro, khó khăn, luôn kiên trì, tự tin, lạc quan, sáng tạo trong công việc và cuộc sống.

[17]. Có ý thức tự rèn luyện và nâng cao năng lực chuyên môn.

2.4. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

- Chuyên viên, cán bộ quản lý trong các cơ quan chính quyền các cấp, gồm các cơ quan trung ương và địa phương như: Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Chính phủ, các Bộ, Ngành trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở, ban ngành địa phương

- Chuyên gia, nhà tư vấn trong các tổ chức phi chính phủ, viện nghiên cứu nhà nước, tư nhân

- Nghiên cứu viên, giảng viên giảng dạy trong các cơ sở nghiên cứu, đào tạo về quản lý kinh tế, quản lý công, chính sách, luật

- Nhà quản lý trong lĩnh vực thực hành pháp luật tại các đơn vị dịch vụ tư vấn pháp luật, các tổ chức xã hội, các tổ chức kinh tế, tổ chức kinh tế-chính trị- xã hội.

- Độc lập hoặc tham gia thành lập các tổ chức về các vực giáo dục, đào tạo, tư vấn quản lý, nhân sự

2.5. Các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thêm thông tin về CDR của CTĐT.

Trong nước, chương trình đào tạo ngành quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công, chủ yếu các trường trường duy trì và thực hiện đào tạo như khu vực phía Bắc có: Đại học Kinh tế quốc dân, Học viện báo chí – tuyên truyền, Đại học Thủ đô, Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Thái Nguyên (khu vực phía Bắc), Đại học Kinh tế

Đà Nẵng (miền trung). Khu vực phía Nam, như: Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh...

Trên cơ sở nghiên cứu chương trình đào tạo chuyên ngành quản lý công trong nước cho thấy, phần lớn các cơ sở đào tạo hướng đến mục tiêu, kiến thức là khu vực công. Trên cơ sở đó, vị trí việc làm mà các trường thực hiện đào tạo hướng đến là nhân sự phục vụ khu vực nhà nước. Về bản chất không khác ngành quản lý công. Tuy nhiên, các trường lồng ghép yếu tố kinh tế, nhằm bổ sung kiến thức đầu ra về phân tích kinh tế, đáp ứng nhu cầu thị trường việc làm. Tuy vậy, đặc trưng chuyên ngành quản lý công các trường vô cùng ít, hoặc không có tích hợp kiến thức kinh tế chuyên ngành của khu vực tư.

Trường hợp 1: Đại học Kinh tế Đà Nẵng¹:

1) Mục tiêu: Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế trong khu vực công, có khả năng hoạch định và quyết định các chính sách kinh tế - xã hội, khả năng phân tích, đánh giá và tham mưu cho các cấp quản lý về các chính sách phát triển, các dự án chi tiêu và đầu tư công, quản lý và khai thác các công trình công cộng.

2) Kiến thức: Các kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực quản lý nhà nước:

- Am hiểu cách thức huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực công trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế;

- Ứng dụng các phương pháp và công cụ phân tích hiện đại để đánh giá các vấn đề liên quan đến nguồn lực công và chính sách công;

- Nắm bắt phương pháp hoạch định, lập kế hoạch, quản lý các chương trình và dự án về huy động, sử dụng nguồn lực công của địa phương, ngành;

- Nắm bắt phương pháp tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra, giám sát trong các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức kinh tế xã hội trong việc khai thác tối ưu nguồn lực xã hội.

Trường hợp 2. Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh²

1) Mục tiêu: Chương trình đào tạo ngành quản lý công nhằm đào tạo các cử nhân kinh tế có trình độ và năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao, có phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức, sức khỏe, khả năng làm việc tập thể. Cử nhân quản lý công được trang bị kiến thức cơ bản và chuyên sâu về khu vực công và khả năng quản lý khu vực công; có kiến thức và kỹ năng phân tích, đánh giá, hoạch định và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội ở các đô thị, các khu vực và các vùng trong lĩnh vực hành chính sự nghiệp, sản xuất kinh doanh và dịch vụ công; có khả năng nghiên cứu và học tập ở cấp bậc cao hơn.

2) Kiến thức: Có kiến thức hiểu biết chung về các lĩnh vực xã hội & nhân văn bao gồm luật pháp, tâm lý, xã hội học, môi trường & con người... và có năng lực vận dụng kiến thức vào công tác chuyên môn; Có kiến thức cơ bản về chuyên ngành quản lý công và khả năng vận dụng vào thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội cả ở tầm vĩ mô

¹<https://due.udn.vn/vi-vn/khoa/kinh-te/chitiet/id/611/cid/696>

²<https://www.uel.edu.vn/ArticleId/bbe890a9-60d9-4fc1-a8d0-9b03e75549d7/kinh-te-va-quan-ly-cong>

và vi mô; Có kiến thức sâu rộng và trình độ chuyên môn cao về kinh tế và quản lý kinh tế, tài chính trong khu vực công; có khả năng vận dụng các lý thuyết kinh tế để phân tích, đánh giá các hoạt động kinh tế và dự báo những biến động của nền kinh tế; Có khả năng am hiểu, phân tích, đánh giá, hoạch định và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở các đô thị, các khu vực và các vùng trong lĩnh vực hành chính sự nghiệp, sản xuất, dịch vụ công.

Trên thế giới, đào tạo tên chuyên ngành quản lý công cũng khá ít, và chủ yếu tập trung cho đào tạo sau đại học. Ở bậc cử nhân, đào tạo chủ yếu chuyên ngành có tên gọi chính xác là Quản lý công (Public management). Chuyên ngành này được triển khai ở hầu hết các trường đào tạo chuyên về kinh tế, quản lý. Nhất là ở các nước phát triển, như Anh, Pháp, Mỹ, Nga, .. Phải nhấn mạnh rằng, đây là chuyên ngành có bề dày lịch sử khá đồ sộ ở các nước phát triển, thu hút các sinh viên có đam mê nghiên cứu về hoạt động của khu vực công. Trên cơ sở đó, vị trí việc làm mà chương trình hướng đến là khu vực công.

Chuyên ngành quản lý công trong số ít trường đào tạo ở nước ngoài hướng đến mục tiêu tích hợp thêm kiến thức thuộc kinh tế, quản lý nhằm tăng thêm khả năng tìm kiếm việc làm của sinh viên, bởi vị trí việc làm ở khu vực công ngày càng bó hẹp, không dễ tìm kiếm việc làm. Tuy vậy, nghiên cứu chương trình chi tiết đào tạo của các trường đại học, như: Đại học Indiana tại Bloomington, Hoa Kỳ; Đại học chính sách công Lý Quang Diệu, Đại học Birmingham, Đại học Fulbright³... Có thể thấy, mục tiêu và kiến thức đào tạo chương trình ở các trường uy tín này thiên về hàn lâm, và hoàn toàn về khu vực công.

Thực tế, khó so sánh chương trình đào tạo ở các quốc gia phát triển và điều kiện Việt Nam, bởi có sự khác nhau về môi trường, nhu cầu thị trường lao động, và đặc biệt, đời sống ở các nước này cao hơn Việt Nam nhiều, do đó, tư duy nghề nghiệp cũng khác so với sinh viên Việt Nam.

Ở Việt Nam, trong bối cảnh cầu lao động trong khu vực công đang bó hẹp bởi định hướng tinh giảm biên chế, tái cấu trúc bộ máy công vụ, thậm chí chế độ tiền lương, đãi ngộ của khu vực này kém hấp dẫn so với khu vực tư, khu vực đang ngày càng phát triển ở Việt Nam, bởi xu thế mở cửa nền kinh tế nước nhà, hội nhập toàn diện. Nói cách khác, nền kinh tế của Việt Nam đang được vận hành thực sự theo kinh tế thị trường, mà ở đó khu vực tư nhân chiếm tỷ lệ lớn nhất (cả về quy mô, đóng góp ngân sách nhà nước, việc làm).

Ngày nay, yêu cầu thị trường lao động cho khu vực tư ngày càng cao về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Lợi thế của chương trình Quản lý công là cung cấp kiến thức về kinh tế, quản lý của cả 2 khu vực công và tư. Do đó, người học dễ dàng hình dung sự khác nhau trong quản lý về dự án, đấu thầu, tài chính, hành chính ... do đó, khả năng xử lý sự vụ, xử lý tình huống cũng sẽ tốt hơn.

³<https://www.fsppm.fuv.edu.vn/cache/MPP2019-543-L01V-Gioi-thieu--Yooil-Bae-2018-02-26-10522343.pdf>

Tóm lại, trên cơ sở nghiên cứu chương trình đào tạo trong nước và quốc tế về chuyên ngành quản lý công, có thể rút ra một số đối sánh như sau:

- Các trường đào tạo chuyên ngành này chủ yếu hướng mục tiêu và kiến thức của khu vực công. Đặt trong bối cảnh của Việt Nam, sinh viên tốt nghiệp sẽ gặp khó khăn trong tìm kiếm việc làm. Do đó, xu hướng một số trường đại học trong nước và thế giới bổ sung, tích hợp thêm một chuyên ngành nữa vào ngành quản lý công, nhằm gia tăng kiến thức khu vực tư.

- Trên cơ sở đó, chuyên ngành quản lý công của Học viện Chính sách và Phát triển được thiết kế theo hướng tích hợp kiến thức kinh tế- quản lý của khu vực tư, trên cơ sở lợi thế đào tạo của trường về đầu tư, đầu thầu, tài chính. Bên cạnh đó, thiết kế tăng cường kiến thức về công nghệ thông tin ứng dụng, xử lý dữ liệu. Sẽ đáp ứng cao hơn nhu cầu khắt khe của thị trường lao động, cũng như nhu cầu đào tạo nghề nghiệp của sinh viên.

Ngoài ra, chuẩn đầu ra của CTĐT chuyên ngành Quản lý công được xây dựng trên cơ sở tham khảo chuẩn đầu ra của các trường như Đại học Kinh tế - Luật, ĐH kinh tế Tp Hồ Chí Minh và Đại học Fulbright. Bên cạnh chuẩn đầu ra về tin học và ngoại ngữ phù hợp với quy định chung của Học viện Chính sách và phát triển, CTĐT chuyên ngành quản lý công xây dựng thêm chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ cho sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành này, với 7 chuẩn đầu ra về kiến thức, 7 chuẩn đầu ra về kỹ năng và 4 chuẩn đầu ra về thái độ.

PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: *130 tín chỉ*

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Tỷ lệ (%)
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (Không bao gồm GDTC&QP)	41	31.5%
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	89	68.5%
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	27	20.8%
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	18	13.8%
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	9	6.9%
2.2. Kiến thức ngành	28	21.5%
2.2.1. Ngành bắt buộc	19	14.6%
2.2.2. Ngành tự chọn	9	6.9%
2.3. Kiến thức chuyên ngành	24	18.5%
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	15	11.5%
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	9	6.9%
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	7.7%
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP)	130	100%

3.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
1. Giáo dục đại cương			41	31,5%
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
2	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
3	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	4
4	THLĐ07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2
5	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3
6	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	2
7	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	3
8	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	3
9	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
10	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	1
11	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1
12	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
13	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
14	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
15	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
16	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3	3
17	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
2.Giáo dục quốc phòng			8	6,1%
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	
3.Giáo dục thể chất			6	4,6%
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2	1
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2	2
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2	3
4.Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành			18	13,8%
1	CSCS11	Chính sách công	3	5
2	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	5
3	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	2
4	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1	3	7
5	KHCO09	Đầu tư công	3	7
6	KHKT07	Kinh tế phát triển	3	3
5.Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành			9	6,9%
1	KHPD13	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô	3	6
2	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	5
3	QHMT08	Kinh tế môi trường	3	4
4	CSMR08	Marketing dịch vụ công	3	6
6.Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành			19	14,6%
1	CSPT11	Phân tích chính sách	3	6
2	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	4
3	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	3
4	TOKT05	Kinh tế lượng	3	4
5	KHCC06	Kinh tế công cộng	3	6
6	CSHC05	Hành chính công	2	6
7	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	4
7.Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành			9	6,9%
1	QTOB01	Hành vi tổ chức	3	3
2	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	2
3	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	3	4
4	CSTC14	Tổ chức điều hành và quản lý công sở	3	5

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
5	CSVH16	Văn hoá tổ chức	3	3
6	CSCT02	Chính trị học so sánh	3	6
7	CSCX07	Chính sách xã hội	3	5
8	TCHC08	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	7
8.Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành			15	11,5%
1	CSQL11	Quản lý công	3	7
2	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	5
3	CSQL13	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	6
4	CSNL09	Quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức công	3	7
5	TCCO21	Quản lý tài chính công	3	7
9.Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành			9	6,9%
1	QLPP05	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP	3	7
2	QTHO06	Quản trị học	3	1
3	QTCC01	Quan hệ công chúng	3	2
4	CSDV04	Quản lý chất lượng dịch vụ công	3	6
5	KHPT15	Kế hoạch hóa phát triển	3	5
6	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3	7
10.Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp			10	7,6%
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	KLTN	Khoá luận tốt nghiệp	6	8
2.1	CSTN01	Chính sách công nâng cao	3	8
2.2	CSTN02	Quản lý công nâng cao	3	8
TỔNG			130	

3.3. Mô tả tóm tắt các học phần của chương trình Quản lý công

STT	Mã số	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của học phần	Số Tín chỉ	Ghi chú
1.Giáo dục đại cương				41	
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sinh viên cần nắm được những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội – con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.	2	

2	LUĐC01	Pháp luật đại cương	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các nguyên lý cơ bản về pháp luật, các bộ luật cơ bản, các thể thức văn bản quy phạm pháp luật của Việt nam	3	
3	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Sinh viên cần nắm được kiến thức về kỹ năng nhận dạng, xây dựng, phát triển, thiết kế khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề khoa học	3	
4	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Sinh viên cần nắm được kiến thức về lịch sử, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; đường lối xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ hiện nay	2	
5	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về biến cố ngẫu nhiên và các công thức tính xác suất. Hiểu các thu thập số liệu mẫu, tính toán các tham số mẫu để từ đó giải quyết được các bài toán ước lượng và kiểm định.	3	
6	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	Sinh viên cần nắm được kiến thức về nguyên lý kinh tế cơ bản; thị trường, quan hệ cung cầu, hành vi tiêu dùng	3	
7	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản; hạch toán thu nhập quốc dân; nguyên lý ban đầu của các chính sách kinh tế vĩ mô	3	
8	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác – Lênin	Học phần Kinh tế Chính trị Mác Lê nin giới thiệu các nội dung về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN và quá quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	2	
9	TOĐC06	Tin học đại cương	Sinh viên cần nắm được những kiến thức căn bản về máy tính, hệ điều hành; về mạng và internet; tin học văn phòng; trang bị những kỹ năng cơ bản về: Soạn thảo văn bản Microsoft Word, Bảng tính điện tử Excel, Trình chiếu PowerPoint, Quản trị cơ sở dữ liệu Access; Những thao tác cơ bản trong sử dụng và khai thác mạng, Internet.	3	

10	THML04	Triết học Mác – Lênin	Học phần trang bị hệ thống lý luận và phương pháp luận được xác lập cơ sở giải quyết vấn đề cơ bản của triết học theo quan điểm duy vật biện chứng.; trang bị phân lý luận về thế giới quan khoa học, trong việc nhận thức và cải tạo thế giới khách quan. Phép biện chứng duy vật là một bộ phận lý luận cơ bản hợp thành thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác –Lênin. Do đó, trang bị những kiến thức cơ bản về phép biện chứng và phép biện chứng duy vật gồm: Hai nguyên lý, sáu cặp phạm trù và ba quy luật cơ bản cùng với những mối quan hệ biện chứng giữa chúng.	3	
11	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, về chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.	2	
12	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản; từ vựng hàng ngày; kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ bậc A1	3	
13	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản và phát triển viết đoạn văn hoàn chỉnh; từ vựng hàng ngày và thực hành hội thoại; cấu trúc bài thi TOEIC, kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết.	3	
14	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản và phát triển viết đoạn văn hoàn chỉnh; từ vựng hàng ngày và thực hành hội thoại; cấu trúc bài thi TOEIC, kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết.	3	
15	TOCC05	Toán cao cấp	Sinh viên cần nắm được các phương pháp toán ứng dụng trong phân tích kinh tế như mô hình tuyến tính, ma trận, định thức. Ngoài ra, sinh viên cần nắm được các kiến thức nâng cao đạo hàm, vi phân, tích phân, cực trị hàm số và ứng dụng.	3	

16	QTKN01	Phát triển kỹ năng	Sinh viên có kỹ năng giao tiếp tốt và thuyết trình: Trình bày một cách rõ ràng, tự tin và thuyết phục các chủ đề về kinh tế, quản lý; khu vực công và xã hội. Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức và sáng tạo trong điều hành công việc.		
17	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh đơn giản; từ vựng hàng ngày; kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết đối với người mới học	3	Không tính điểm
2.Giáo dục quốc phòng				8	
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	Cung cấp kiến thức về an ninh, quốc phòng và bảo vệ tổ quốc cho sinh viên.	8	Không tính điểm
3.Giáo dục thể chất				6	
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1	Rèn luyện sức khỏe và thể chất cho sinh viên	2	
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2	Rèn luyện sức khỏe và thể chất cho sinh viên	2	
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3	Rèn luyện sức khỏe và thể chất cho sinh viên	2	
4.Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành				18	
1	CSCS11	Chính sách công	Sinh viên cần nắm được kiến thức về quy trình, công cụ chính sách; hoạch định và thực thi chính sách công	3	
2	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	Sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về dữ liệu lớn, đặc trưng của dữ liệu lớn, cách thức lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn bởi các công cụ như Hadoop, Spark; biết cách trực quan hóa và phân tích dữ liệu với Tableau và Power BI.	3	
3	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	Sinh viên cần nắm được kiến thức về chính sách tài khóa; về hệ thống tài chính quốc gia, chính sách tiền tệ cũng như những khái niệm mở đầu về quản lý tài chính trong doanh nghiệp.	3	

4	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1	Sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản trong đấu thầu như: Khái niệm đấu thầu, đặc điểm, vai trò, lợi ích của đấu thầu, phân loại đấu thầu, hình thức, phương thức và quy trình tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu cơ bản; cũng như cung cấp cho người học những kiến thức chung về quá trình hình thành và phát triển của đấu thầu trên thế giới và ở Việt Nam; Các quy trình đấu thầu cơ bản; Công tác tổ chức và quản lý nhà nước về đấu thầu ở Việt Nam	3	
5	KHCO09	Đầu tư công	Môn học giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản về đầu tư khu vực công và những cơ chế chính sách của Việt Nam trong quản lý hoạt động đầu tư công, như: lý luận về đầu tư công và quản lý đầu tư công; nguồn vốn đầu tư công; quản lý và kế hoạch hóa đầu tư công. Đồng thời hướng dẫn người học đánh giá kết quả và hiệu quả đầu tư công; phương pháp lập dự án đầu tư công; thẩm định dự án đầu tư công; và đấu thầu công.	3	
6	KHKT07	Kinh tế phát triển	Học phần này, học viên sẽ được tiếp cận về kinh tế vĩ mô, vấn đề phân phối thu nhập trên thế giới, so sánh mức sống của các nhóm quốc gia khác nhau và phân loại các nhóm nước trên thế giới, đồng thời so sánh trình độ phát triển các nhóm quốc gia	3	
5. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành				9	
1	KHPD13	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô	Học phần này được thiết kế nhằm ứng dụng các kiến thức đã học trong các môn toán, xác suất thống kê, kinh tế lượng, kinh tế học vĩ mô, kinh tế học vĩ mô, kết hợp với dữ liệu thực tế về nền kinh tế Việt Nam và các nước, để tiến hành phân tích và dự báo thực nghiệm về nền kinh tế Việt Nam.	3	
2	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về hoạt động đầu tư phát triển để người học có thể vận dụng trong các quyết định đầu tư. Học phần tập trung vào các nội dung chính như: khái niệm và bản chất của đầu tư; vai trò và đặc điểm của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; xem xét các nguồn vốn và cách huy động các nguồn vốn đó cho đầu tư; quản lý nhà nước về đầu tư; môi trường đầu tư; đầu tư công; phương pháp đánh giá kết quả và hiệu quả đầu tư; đầu tư quốc tế; đầu tư phát triển trong doanh nghiệp; quản lý đầu tư theo dự án.	3	

3	QHMT08	Kinh tế môi trường	Sinh viên cần hiểu được mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường; có thể đánh giá được những tác động của các hoạt động phát triển (kinh tế và xã hội) đến môi trường và tiếp cận phân tích kinh tế của những tác động tới môi trường; giúp người học có thể tiếp cận với hoạch định chính sách và chiến lược phát triển, những phương thức quản lý môi trường hợp lý.	3	
4	CSMR08	Marketing dịch vụ công	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về quản lý, marketing dịch vụ công; các phương thức xây dựng chiến lược cũng như phát triển các chính sách nhằm cung ứng cũng như phân phối dịch vụ công một cách có hiệu quả.	3	
6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành				19	
1	CSPT11	Phân tích chính sách	Môn học giới thiệu các nội dung cơ bản về phân tích chính sách, nhận biết các vấn đề chính sách, và đánh giá chính sách dựa trên các tiêu chí, các cách tiếp cận khác nhau, phục vụ cho việc hình thành các kỹ năng tư duy và ra quyết định	3	
2	LUKT02	Pháp luật kinh tế	Học phần trang bị những kiến thức căn bản về pháp luật Kinh tế, Quy chế pháp lý cho các loại hình doanh nghiệp. Đồng thời, môn học cũng giới thiệu đến người học một số quy định đặc thù đối với doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài. Bên cạnh đó, nội dung môn học còn bao gồm các kiến thức về việc giao kết, thực hiện hợp đồng thương mại của chủ thể kinh doanh, các phương pháp để giải quyết tranh chấp trong kinh doanh và thủ tục phá sản doanh nghiệp.	3	
3	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	Sinh viên cần hiểu được các vấn đề trong quá trình nghiên cứu thống kê, như điều tra, phân tích, nghiên cứu các mức độ về số tương đối, số tuyệt đối, dãy số thời gian, chỉ số... Sau khi có được các số liệu thống kê, phải tiến hành trình bày được các số liệu trên bảng, biểu, đồ thị,... qua đó phân tích được ý nghĩa, tác dụng của các số liệu thu thập được để dự báo cho tương lai.	3	

4	TOKT05	Kinh tế lượng	Môn học nhằm lượng hóa, kiểm định và dự báo các quan hệ kinh tế. Nhiệm vụ của Kinh tế lượng là: Thiết lập các mô hình toán học để mô tả các mối quan hệ kinh tế, tức là nêu ra các giả thuyết về mối quan hệ giữa các biến số kinh tế; Ước lượng các tham số nhằm nhận được số đo về sự ảnh hưởng của các biến số; Kiểm định sự vững chắc của các giả thuyết đặt ra; Sử dụng các mô hình đã được kiểm định để đưa ra các dự báo và mô phỏng các hiện tượng kinh tế; Đề xuất chính sách dựa trên các phân tích và dự báo.	3	
5	KHCC06	Kinh tế công cộng	Môn học nghiên cứu về vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường và đối tượng nghiên cứu của môn học kinh tế công cộng; Chính phủ với vai trò phân bổ nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế; Chính phủ với vai trò phân phối lại thu nhập và đảm bảo công bằng xã hội; Chính phủ với vai trò ổn định kinh tế vĩ mô trong điều kiện toàn cầu hoá; Lựa chọn công cộng; Các công cụ chính sách can thiệp chủ yếu của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường; Phân tích chính sách chi tiêu công cộng; Thuế và tác động của thuế.	3	
6	CSHC05	Hành chính công	Môn học nghiên cứu về nền hành chính nhà nước, những yếu tố cấu thành nên nền hành chính nhà nước cũng như cách thức mà những yếu tố này phối hợp với nhau để thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước của mình. Những nội dung của hành chính công rất phong phú và đa dạng.	2	
7	QLCD01	Chuyên đề thực tế	Sinh viên cần biết các kỹ năng thực tế về thu thập và phân tích thông tin kỹ năng nhận diện, phân tích vấn đề và ra quyết định phục vụ cho quá trình ra quyết định và quản lý	2	
7.Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành				9	

1	QTOB01	Hành vi tổ chức	Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về về hành vi tổ chức nhằm lý giải một cách khoa học thực chất các vấn đề xảy ra trong tổ chức, hiểu rõ nguyên nhân của chúng và dự đoán được các sự kiện sẽ diễn ra trong tương lai. Trên cơ sở đó, hình thành năng lực định hướng dẫn dắt những hành vi có lợi cho tổ chức, giúp tổ chức đạt được những mục tiêu đã đề ra.	3	
2	TCKT01	Nguyên lý kế toán	Sinh viên cần nắm được kiến thức về lý thuyết hạch toán kế toán; cân đối kế toán; các phương pháp: tài khoản, tính giá, chứng từ kế toán,...	3	
3	ĐNQTO9	Kinh tế quốc tế	Người học sẽ được trang bị kiến thức tổng quan về nền kinh tế thế giới và các quan hệ kinh tế quốc tế trong các lĩnh vực như thương mại quốc tế, đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài, di chuyển lao động, thanh toán giữa các quốc gia cũng như một số vấn đề đang là tâm điểm quan tâm của toàn thế giới như toàn cầu hóa và ảnh hưởng của nó đến nền kinh tế các quốc gia, sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ	3	
4	CSTC14	Tổ chức điều hành và quản lý công sở	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản tổ chức điều hành, quản lý tổ chức nói chung và các kỹ thuật điều hành tổ chức nói riêng nhằm phát huy hiệu quả cao nhất của các cơ quan, tổ chức.	3	
5	CSVH16	Văn hoá tổ chức	Môn học giới thiệu các khái niệm văn hóa tổ chức và đạo đức công vụ, kiến thức và kỹ năng xây dựng các bộ quy tắc ứng xử, thiết lập các giá trị văn hóa đạo đức trong một tổ chức.	3	
6	CSCT02	Chính trị học so sánh	Người học sẽ nắm được những kiến thức để nghiên cứu và so sánh những vấn đề chính trị xoay quanh thời gian và không gian - lịch đại và đương đại. Theo lịch đại, đơn vị so sánh là hệ thống chính trị của một quốc gia trong các giai đoạn khác nhau hoặc các chế độ chính trị từng tồn tại trong lịch sử. Theo đương đại, đơn vị so sánh là các quốc gia, khu vực trên thế giới	3	

7	CSCX07	Chính sách xã hội	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về chính sách xã hội, nhận biết các vấn đề chính sách, và đánh giá chính sách. Môn học sẽ trang bị cho SV kỹ năng phân tích, thảo luận về các vấn đề thực tiễn đang phát sinh ở Việt Nam để từ đó có hiểu biết sâu hơn về các chính sách xã hội. .	3	
8	TCHC08	Kế toán hành chính sự nghiệp	Sinh viên cần nắm được kiến thức về đặc điểm hoạt động, nội dung tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp: từ khi tiếp nhận nguồn kinh phí, chi tiêu sử dụng nguồn kinh phí, quyết toán nguồn kinh phí thường xuyên, không thường xuyên, nguồn kinh phí dự án, kinh phí theo đơn đặt hàng, kinh phí đầu tư, nguồn vốn kinh doanh, lập báo cáo tài chính....	3	
8.Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành				15	
1	CSQL11	Quản lý công	Môn học giới thiệu các kiến thức về quản lý công, hệ thống thể chế, quy trình cấu trúc phát triển tổ chức trong khu vực công. Ngoài việc giới thiệu các nguyên tắc quản lý, điều hành và các thể chế, tiến trình quản lý công, môn học còn chỉ rõ những vấn đề đương đại, các thách thức và yêu cầu đối với công tác quản lý công mới.	3	
2	QTCL01	Quản trị chiến lược	Học viên sẽ tiếp cận được kiến thức về lý luận và phương pháp xây dựng chiến lược, xác định đường đi nước bước cho các doanh nghiệp và các tổ chức trong điều kiện nền kinh tế chuyển đổi hiện nay.	3	
3	CSQL13	Quản lý nhà nước về kinh tế	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về sự cần thiết và quá trình chuyển đổi số, đặc biệt là chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Học phần giúp người học hiểu được cách xây dựng năng lực chuyển đổi số; biết cách xây dựng chiến lược đầu tư, huy động nguồn lực và duy trì động lực trong hành trình chuyển đổi số của doanh nghiệp.	3	
4	CSNL09	Quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức công	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý nhân sự trong các tổ chức công, các kiến thức chuyên sâu về phân tích công việc, các hoạt động động viên, khuyến khích, tạo động lực cho người lao động phát huy khả năng để cống hiến cho sự phát triển của tổ chức	3	

5	TCCO21	Quản lý tài chính công	Môn học cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành kiến thức nền tảng về tài chính công trong hệ thống tài chính quốc gia; Các nội dung về tài chính công và quản lý tài chính công; ngân sách nhà nước và chu trình quản lý ngân sách nhà nước; quản lý thu chi ngân sách; quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách, và tổ chức cân đối ngân sách nhà nước.	3	
9. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành				9	
1	QLPP05	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP	Giới thiệu cho sinh viên khái niệm và vai trò của đầu tư theo hình thức đối tác công tư và lựa chọn nhà đầu tư là học phần bắt buộc đối với sinh viên khoa Đầu thầu. Đầu tư theo hình thức đối tác công tư có ý nghĩa quan trọng trong các lĩnh vực của xã hội với mục đích tăng cường các nguồn lực để thực hiện các dự án phát triển cơ sở hạ tầng của Nhà nước trong quá trình cải cách khu vực công.	3	
2	QTHO06	Quản trị học	Sinh viên sẽ được học các chủ đề về quản trị, về hệ thống xã hội, tổ chức và quản trị hệ thống xã hội; quá trình quản trị và nhà quản trị; sự phát triển các tư tưởng quản trị. Xây dựng kỹ năng phân tích môi trường quản trị; đạo đức và trách nhiệm xã hội của quản trị; quản trị trong môi trường toàn cầu hóa.	3	
3	CC01	Quan hệ công chúng	Môn học nhấn mạnh vai trò của quan hệ công chúng trong tổ chức và lịch sử phát triển cũng như những quan niệm, các học thuyết, thực tiễn cũng như khía cạnh quản trị của PR. Ngoài ra, môn học xem xét quan hệ công chúng là một chức năng quản trị chiến lược và quá trình lập kế hoạch, phát triển, thực hiện và đánh giá hiệu quả của chương trình quan hệ công chúng. Những nguyên lý thu được từ các học thuyết về truyền thông và quan hệ công chúng sẽ được kiểm tra và xem xét làm thế nào chúng có thể được ứng dụng bởi các chuyên gia quan hệ công chúng trong việc lập kế hoạch và thực hiện thành công các chương trình trong công ty, tổ chức phi lợi nhuận và cả các cơ quan của chúng phủ	3	

4	CSDV04	Quản lý chất lượng dịch vụ công	Sinh viên sẽ được học các khái niệm cơ bản về quản lý chất lượng trong lĩnh vực DVC, trong quản lý hành chính, những vấn đề liên quan đến quản lý chất lượng nhằm nâng cao năng lực hành chính, tăng tính minh bạch của các cơ quan nhà nước, hướng về công dân, chuyên nghiệp hóa công vụ hướng tới nâng cao chất lượng DVC.	3	
5	KHPT15	Kế hoạch hóa phát triển	Học phần trang bị cho người học các kiến thức lý luận và thực tiễn về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, các bước để lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, cũng như các công cụ phục vụ công tác lập kế hoạch. Người học cũng được trang bị kiến thức và kỹ năng để lập những kế hoạch phát triển cụ thể như kế hoạch tăng trưởng kinh tế, kế hoạch chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế để đáp ứng các yêu cầu đặt ra.	3	
6	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	Sinh viên được cung cấp những kiến thức về lý luận về dự án, phương pháp lập, kỹ thuật và thẩm định dự án đầu tư, phân tích sâu vào các nội dung quan trọng của công tác lập và thẩm định dự án đầu tư để có thể tiến hành lập hay thẩm định dự án.	3	
10.Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp				10	
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp		4	
2	KLTN	Khoá luận tốt nghiệp		6	
		Quản lý công nghệ cao			
1	CSQL12	Quản lý công nghệ cao	Môn học cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về cách thức quản lý, lãnh đạo và tư duy chiến lược thường được sử dụng cho cả khu vực tư nhân và áp dụng cho chính phủ, các tổ chức công cũng như các doanh nghiệp. Các vấn đề tương tự về hệ thống thông tin, quá trình ra quyết định, tìm kiếm nhân sự và giải quyết vấn đề, đặc biệt là những vấn đề đương đại, những thách thức và yêu cầu đổi mới trong quản lý công cũng được giới thiệu trong môn học. Nhờ đó môn học sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể làm việc được ở cả khu vực tư và khu vực công.	3	

2	CSCS01	Chính sách công năng cao	Học phần này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về chính sách công năng cao, bao gồm lịch sử hình thành và phát triển của khoa học chính sách, công cụ và chu kỳ chính sách công, hoạch định chính sách công, chủ thể và quy trình hoạch định chính sách công, các tiêu chí đánh giá và hoạch định chính sách công, thiết kế chính sách và mô hình hoạch định chính sách.		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (không bao gồm GDTC và GDQP)				130	

3.4. Hoạt động hỗ trợ sinh viên

3.4.1. Hoạt động hỗ trợ của cố vấn học tập

- Tư vấn cho sinh viên về chương trình học tập: mục tiêu, nội dung...và cách lựa chọn các học phần cho phù hợp;

- Tư vấn cho sinh viên đăng ký các học phần của từng học kỳ, điều chỉnh kế hoạch học cá nhân phù hợp với tiến độ mục tiêu (học đúng tiến độ, học nhanh hay chậm), tư vấn kế hoạch cụ thể của từng học kỳ cho phù hợp với yêu cầu của chuyên ngành đào tạo, vừa phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện sinh hoạt, hoàn cảnh kinh tế của sinh viên;

- Tư vấn cho sinh viên sử dụng các tính năng phần mềm quản lý đào tạo để đăng ký lịch học, hủy lịch, theo dõi kết quả học tập, thông tin cá nhân để có những đề xuất điều chỉnh cho phù hợp;

- Hướng dẫn cho sinh viên về phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học. Động viên, khuyến khích, tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình học tập;

- Thường xuyên theo dõi kết quả học tập của sinh viên; nhắc nhở sinh viên khi thấy kết quả học tập giảm sút; phối hợp với Phòng Chính trị và Công tác sinh viên thông báo cho gia đình của sinh viên thuộc diện cảnh báo và buộc thôi học;

- Thảo luận và hướng dẫn sinh viên cách chọn đề học thành công song song hai chương trình, học cải thiện, cách tính điểm học tập và rèn luyện;

- Kiểm tra, ký chấp nhận hoặc từ chối vào đơn thay đổi, hủy hoặc đăng ký học thêm, học cải thiện học phần của sinh viên;

- Kiểm tra, xác minh và ký xác nhận vào đơn xin thôi học, bảo lưu của sinh viên;

- Phối hợp và hỗ trợ các Khoa chuyên ngành, các phòng chức năng các tổ chức của Học viện trong việc tổ chức các phong trào, các hoạt động ngoại khóa và tham gia các hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội khác của sinh viên;

- Phối hợp với Khoa chuyên ngành, Ban cán sự lớp và các tổ chức Đoàn, Hội sinh viên để theo dõi, đánh giá toàn diện về học tập và rèn luyện của sinh viên; nhận xét và tham gia cho điểm rèn luyện theo quy định về đánh giá, xếp loại sinh viên; xét khen thưởng, kỷ luật sinh viên...;

- Các công việc khác theo yêu cầu của Học viện và khoa chuyên ngành.

3.4.2. Các hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp

Khoa Chính sách công luôn chú trọng trong tổ chức các chương trình định hướng nghề nghiệp cho sinh viên như: mời các chuyên gia có kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến quản lý, nghiên cứu trong các tổ chức có uy tín ở Việt Nam đến để trao đổi với sinh viên năm cuối về những vấn đề quản lý công, quản lý kinh tế, chính sách công, giải quyết các vấn đề thực tế liên quan đến chuyên ngành. Tổ chức cho sinh viên tham gia các câu lạc bộ trong Học viện. Tổ chức các chuyến đi thực tế, kiến tập ở các tổ chức quản lý hành chính nhà nước, tổ chức kinh tế nhà nước và tư nhân vào năm 2 và 3 giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

Ngoài các học bổng của Học viện như học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách, học bổng KOCHARM, Khoa còn chủ động thu hút nhiều học bổng nhằm giúp sinh viên theo đuổi định hướng nghề nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực quản lý công, quản lý kinh tế, phát triển kỹ năng lập kế hoạch cho nghề nghiệp tương lai, tăng khả năng thích ứng nhanh với biến động của môi trường kinh doanh.

3.4.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Hàng năm, sinh viên khoa Kinh Chính sách công luôn được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học. Lãnh đạo định hướng mỗi năm có từ 5 đến 10 nhóm sinh viên tham gia NCKH, lựa chọn các chủ đề nghiên cứu mới, phù hợp với thế mạnh nghiên cứu của giảng viên. Hội nghị NCKH sinh viên hàng năm đều được tổ chức với hệ thống các tiêu chí rõ ràng nhằm đánh giá công bằng và khách quan chất lượng các công trình NCKH. Những nội dung Khoa Chính sách công đã xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH của sinh viên bao gồm:

- Xác định danh mục đề tài NCKH của sinh viên và triển khai thực hiện đề tài theo quy định chung của Bộ GD&ĐT;

- Tổ chức hội nghị NCKH của sinh viên và các hình thức hoạt động khoa học và công nghệ khác của sinh viên;

- Tổ chức các cuộc thi chọn đội tuyển đi thi cấp Quốc gia.

PHẦN 4. MA TRẬN LIÊN KẾT

Ma trận 1: Ma trận liên kết giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ký hiệu CDR	CDR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
CDR 1	[1]. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.			x		x			x		
CDR 2	[2]. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, quản lý, đầu tư và kinh doanh trong lĩnh vực công và tư	x		x		x				x	
CDR 3	[3]. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng các công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề về kinh tế, quản lý kinh tế, quản lý công, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, phản biện những vấn đề liên quan đến kinh tế, quản lý.	x	x	x						x	x
CDR 4	[4]. Hiểu về quy trình chính sách và tác động của chính sách, biết vận dụng các kiến thức về quản lý công trong việc lập kế hoạch, hoạch định, tổ chức thực hiện và đề xuất các hàm ý chính sách cho các chương trình, dự án phát triển và chính sách của một tổ chức.	x	x			x			x		x
CDR 5	[5]. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.		x	x		x				x	
CDR 6	[6]. Hiểu về vai trò, vị trí tổ chức hệ thống chính trị, bộ máy nhà nước Việt Nam và những nội dung cơ bản trong Hiến pháp Việt Nam				x	x			x		x

Ký hiệu CDR	CDR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
CDR 7	[7]. Hiểu về các lĩnh vực pháp luật khác như: Pháp luật đầu tư, pháp luật lao động, pháp luật sở hữu trí tuệ, đất đai, môi trường, giao dịch điện tử, thương mại.			x	x						x	x
CDR 8	[8]. Hiểu về bản chất, vai trò của hoạt động của quản lý trong kinh tế, xã hội, đầu tư phát triển, quản lý công; đầu tư công và quan hệ quốc tế trong đầu tư; quản lý tài chính công; quản lý Nhà nước về kinh tế; quản lý nguồn nhân lực;		x		x		x		x			x
CDR 9	[9]. Biết vận dụng các kiến thức về quản lý công, quản lý kinh tế trong nền kinh tế số; có đủ kiến thức để phục vụ quá trình chuyển đổi nền kinh tế và tiến tới nền kinh tế thị trường hiện đại.			x			x	x			x	
CDR 10	[10]. Kỹ năng xử lý tình huống, có khả năng làm việc độc lập dưới áp lực về thời gian và khối lượng công việc, có bản lĩnh nghề nghiệp, có khả năng thích ứng linh hoạt trước diễn biến của thực tiễn.	x	x		x		x		x			x
CDR 11	[11]. Vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn trong phân tích và đề xuất các phương thức quản lý trong các lĩnh vực kinh tế, đầu tư – kinh doanh; vận hành khu vực hành chính công và các hoạt động kinh tế xã hội trong khu vực khác.			x	x				x		x	x
	[12]. Có kỹ năng giao tiếp tốt và thuyết trình: Trình bày một cách rõ ràng, tự tin và thuyết phục các chủ đề về kinh tế, quản lý; khu vực công và xã hội. Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.			x	x		x		x			x
CDR 13	[13]. Có khả năng sử dụng ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong				x		x	x				x

Ký hiệu CDR	CDR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	môi trường làm việc bằng tiếng Anh										
CDR 14	[14]. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức và điều hành công việc, đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.				x	x			x		
CDR 15	[15]. Trở thành công dân có sức khỏe tốt, phẩm chất đạo đức tốt, ý thức chấp hành pháp luật trong nghề nghiệp, thái độ hợp tác trong công việc, có trách nhiệm trong công việc được giao, có thái độ hợp tác tốt với đồng nghiệp, tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.		x	x				x			x
CDR 16	[16]. Có khả năng thích ứng trong môi trường nghề nghiệp mang tính cạnh tranh và quốc tế, sẵn sàng đương đầu với rủi ro, khó khăn, luôn kiên trì, tự tin, lạc quan, sáng tạo trong công việc và cuộc sống.		x		x		x	x		x	x
CDR 17	[17]. Có ý thức tự rèn luyện và nâng cao năng lực chuyên môn.			x			x		x	x	x

4. Ma trận 2: Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																			
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2																
2	LUĐC01	Pháp luật đại cương	2	2															
3	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học			2														
4	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2																
5	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán			2														
6	KHMI01	Kinh tế vi mô 1					3												
7	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1					3												
8	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2																
9	TOĐC06	Tin học đại cương			2														
10	THML04	Triết học Mác - Lênin	2																
11	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2																
12	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2														x			
13	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3														x			
14	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4														x			
15	TOCC05	Toán cao cấp			2														
16	QTKN01	Phát triển kỹ năng*												x			x		
17	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*													x				
18	GDQP02	Giáo dục quốc phòng																	
19	GDTC08	Giáo dục thể chất 1																	x
20	GDTC06	Giáo dục thể chất 2																	x
21	GDTC07	Giáo dục thể chất 3																	x

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																			
2.1. Kiến thức cơ sở ngành																			
<i>2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc</i>																			
21	CSCS11	Chính sách công		4		5													
23	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh			4														
25	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ					3			4									
26	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1							3				x						
27	KHCO09	Đầu tư công								4	5								
28	KHKT07	Kinh tế phát triển										x	x						
<i>2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn</i>																			
29	KHPD13	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô				3							x						
30	KHĐT05	Kinh tế đầu tư				3							x						
31	QHMT08	Kinh tế môi trường				3						4							
32	CSMR08	Marketing dịch vụ công				3		4											
2.2. Kiến thức ngành																			
<i>2.2.1. Ngành bắt buộc</i>																			
33	CSPT11	Phân tích chính sách										x	x						
34	LUKT02	Pháp luật kinh tế								4	5								
35	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế										4						x	
36	TOKT05	Kinh tế lượng										3						x	
37	KHCC06	Kinh tế công cộng					3					4						x	
38	CSHC05	Hành chính công						3			4							x	
39	QLCD01	Chuyên đề thực tế											x		x	x	x	x	x

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
<i>2.2.2. Ngành tự chọn</i>																			
40	QTOB01	Hành vi tổ chức						3					x						
41	TCKT01	Nguyên lý kế toán			3						4								
42	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế					4				5								
43	CSTC14	Tổ chức điều hành và quản lý công sở										x		x					
44	CSVH16	Văn hoá tổ chức															x	x	
45	CSCT02	Chính trị học so sánh		5				5											
46	CSCX07	Chính sách xã hội		4		5													
47	TCHC08	Kế toán hành chính sự nghiệp											x						
2.3. Kiến thức chuyên ngành																			
<i>2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc</i>																			
48	CSQL11	Quản lý công						3			5							x	
49	QTCL01	Quản trị chiến lược								4			x						
50	CSQL13	Quản lý nhà nước về kinh tế					3			4									
51	CSNL09	Quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức công										x					x		x
52	TCCO21	Quản lý tài chính công								3			x						
<i>2.3.2. Chuyên ngành tự chọn</i>																			
53	QLPP05	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP												x					
54	QTHO06	Quản trị học								3		x							
55	QTCC01	Quan hệ công chúng												x		x			
56	CSDV04	Quản lý chất lượng dịch vụ công						4			5								
57	KHPT15	Kế hoạch hóa phát triển								4	5								
58	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư												x					

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp								5	5	5	5	x	x	x	x	x	x	x	x
	<i>CSTN02</i>	Quản lý công nghệ cao										x		x	x	x	x	x	x
	<i>CSTN01</i>	Chính sách công nghệ cao						5	5	5	5	x	x						

PHẦN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1.1. Thời gian đào tạo:

Chương trình được thiết kế bao gồm 8 học kỳ chính, trong đó các học phần được phân bổ tương đối đồng đều trong các học kỳ từ học kỳ 1 đến học kỳ 8.

5.1.2. Cách thức thực hiện:

Các học phần thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương và Kiến thức cơ sở ngành được tập trung đào tạo trong 5 kỳ đầu tiên của khóa học.

Các học phần thuộc kiến thức ngành; Kiến thức chuyên ngành và Thực tập và khóa luận tốt nghiệp được tập trung vào kỳ 6 và kỳ 7 của khóa học. Đồng thời, kỳ kiến tập giữa khóa cũng được bố trí vào giữa kỳ 5 và kỳ 6 của khóa học.

Trong kỳ 8, sinh viên sẽ tham gia thực tập kiến thức và kỹ năng làm việc ở cơ sở thực tế, viết khóa luận tốt nghiệp nếu đủ điều kiện theo quy định. Kết thúc 8 kỳ học, sinh viên có thể tích lũy đủ 130 tín chỉ của chương trình đào tạo cử nhân kinh tế, chuyên ngành quản lý công.

5.1.3. Điều kiện tốt nghiệp:

- Trong thời gian học tập tối đa của khóa học.
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo
- Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.0 trở lên.
- Đạt trình độ tiếng Anh TOEIC quốc tế (nghe, đọc) ở mức ≥ 450 điểm hoặc tương đương theo quy định.
- Được cấp chứng chỉ kỹ năng mềm theo quy định;
- Được đánh giá đạt các học phần GD quốc phòng an ninh, Giáo dục thể chất.

5.2. Cách thức đánh giá kết quả học tập

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau mỗi kỳ học chính theo các tiêu chí sau:

+ Khối lượng kiến thức học tập là tổng số tín chỉ của các môn học (không tính môn học tự chọn tự do) mà sinh viên đã đăng ký học trong kỳ

+ Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng tín chỉ của những môn học đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học

+ Điểm trung bình học kỳ là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong kỳ đó (bao gồm các học phần đánh giá loại đạt và không đạt)

+ Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét.

- Đánh giá kết quả học phần:

+ Điểm đánh giá học phần (gọi là điểm học phần) bao gồm: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần: là trung bình của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ trên lớp; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ.....

+ Điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc và có trọng số không dưới 60% điểm của học phần

- Cách tính điểm học phần

+ Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm thi theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), có lẻ đến một chữ số thập phân.

+ Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần sau khi đã tính trọng số được qui định trong đề cương học phần và được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển sang điểm chữ là: A+, A, B+, B, C+, C, D+, D (loại đạt) và F (không đạt)

- Cách tính điểm trung bình chung:

+ Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A+ tương ứng với 4,0

A tương ứng với 3,7

B+ tương ứng với 3,5

B tương ứng với 3,0

C+ tương ứng với 2,5

C tương ứng với 2,0

D+ tương ứng với 1,5

D tương ứng với 1,0

F tương ứng với 0

+ Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

i: là số thứ tự học phần

a_i: là điểm của học phần thứ i

n_i: là số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần trong học kỳ hoặc tổng số học phần đã tích lũy.

Kết quả đánh giá học phần giáo dục quốc phòng-an ninh, giáo dục thể chất, kỹ năng mềm không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy. Điểm trung bình chung học kỳ được dùng để xét buộc thôi học, nghỉ học tạm thời, đăng ký học bằng kép, học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ. Điểm trung bình chung tích lũy được dùng để xét buộc thôi học, xếp loại học lực, xếp hạng tốt nghiệp.

5.3. Phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá học phần:

Đối với từng học phần trong CTĐT thì được đánh giá theo tiêu chí như sau:

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Điểm chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

- Dựa trên triết lý đào tạo lấy người học làm trung tâm, các phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá học phần được thiết kế nhằm thúc đẩy ham muốn học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên.

- Chương trình đào tạo hướng tới việc đáp ứng nhu cầu sinh viên, do đó việc lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng sinh viên được quan tâm. Sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai được tiếp cận các học phần nguyên lý cơ bản và phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết trình để giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu được kiến thức mới. Các học phần với khối kiến thức chuyên sâu được đào tạo cho sinh viên năm thứ ba và thứ tư, áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, khuyến khích sinh viên thuyết trình, phản biện...

- Điểm chuyên cần của sinh viên được tính theo quy định chung của Học viện và được thông báo rõ cho sinh viên từ khi bắt đầu môn học. Một số học phần chuyên ngành đã thiết kế hệ thống bài tập tình huống giúp sinh viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế. Đồng thời, thông qua việc chuẩn bị bài tập nhóm và phối hợp thuyết trình trên lớp, sinh viên phát huy tính chủ động nghiên cứu tài liệu và tích cực thảo luận các luận điểm với các bạn trong nhóm, từ đó phát triển năng lực khám phá tri thức, khả năng làm việc nhóm, năng lực thuyết trình và tư duy phản biện.

Bản hướng dẫn thực hiện chiến lược dạy và học cho CTĐT chuẩn trình độ đại học ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Quản lý công được thiết kế nhằm giúp người học đạt được các mục tiêu theo chuẩn đầu ra được tóm tắt như sau:

Năm học	CHUẨN ĐẦU RA			Cách thức thực hiện
	Kiến thức	Kỹ năng	Năng lực của người học	
Năm thứ nhất	Các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Trang bị cho sinh viên khả năng lập luận, tư duy theo hệ thống, kỹ năng thuyết trình, quản lý công việc và thời gian. ▪ Sinh viên có thể nhận thức được các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến quản lý, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục quốc phòng an ninh. ▪ Sinh viên có thể dùng thành thạo tin học văn phòng và giao tiếp tốt bằng Tiếng Anh. 	Sinh viên được định hướng theo các chuẩn mực đạo đức, hướng tới các phẩm chất nghề nghiệp như: Tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, trung thực, có lối sống tích cực, và có tinh thần hướng về cộng đồng.	<p>Phương pháp giảng dạy của GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thuyết trình ▪ Thảo luận nhóm ▪ Bài tập tình huống (Case study) <p>Phương pháp học tập của SV</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Đọc trước học liệu và chuẩn bị các câu hỏi ▪ Chủ động nghe giảng, ghi chép có chọn lọc ▪ Tham gia đối thoại với giáo viên, thảo luận trên lớp ▪ Chủ động bố trí kế hoạch tự học <p>Điều kiện dạy và học:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo cho sinh viên ▪ Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học
Năm thứ hai	Các môn học thuộc khối kiến thức ngành, cơ sở ngành	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề, phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng, xác định vấn đề ưu tiên; tư duy phân tích đa chiều. ▪ Sinh viên được trang bị các kỹ năng phối hợp làm việc trong các nhóm khác nhau; tăng cường kỹ năng thuyết trình; đề xuất ý 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Có khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức liên quan đến ngành học ▪ Có khả năng làm việc độc lập và chủ động trong công việc 	<p>Phương pháp giảng dạy của GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thuyết trình, hình thành cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề thông qua quá trình học tập trên lớp và tự học. ▪ Thảo luận nhóm ▪ Bài tập tình huống (Case study) <p>Phương pháp học tập của SV</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Đọc trước học liệu và chuẩn bị các câu

		tường; giao tiếp qua email và các phương tiện truyền thông.		<p>hỏi của môn học</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Chủ động nghe giảng, ghi chép có chọn lọc ▪ Tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn ▪ Chủ động bố trí kế hoạch tự học ▪ Chủ động tìm đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau phục vụ cho học tập <p>Điều kiện dạy và học:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu cho sinh viên ▪ Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học ▪ Sinh viên được tạo điều kiện tham gia các chương trình học trao đổi với các trường có hợp tác NCKH và giảng dạy với các điều kiện: tiếng Anh C1, có điểm trung bình từ 3 trở lên và đáp yêu cầu của trường đối tác, tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa.
Năm thứ Ba và năm thứ Tư	Các môn học thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Áp dụng các kiến thức cơ bản để phân tích, đánh giá những vấn đề về quản lý, chính sách, biết cách sử dụng công cụ toán, thống kê để nghiên cứu, phân tích, giải quyết các vấn đề trong quản lý và kinh tế ▪ Sinh viên có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự học 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Có khả năng nghiên cứu, đề xuất các ý tưởng nghiên cứu, quản lý liên quan đến quản lý công, chính sách, hành chính công, kinh tế, nhân sự, quản lý kinh tế. ▪ Phát triển năng lực tự học, tìm kiếm và xử lý thông tin đa chiều, quản lý thời gian cá nhân, 	<p>Phương pháp giảng dạy của GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thuyết trình, đề xuất ý tưởng qua các trao đổi trong buổi học ▪ Thảo luận nhóm, đóng vai các nhân vật để xử lý các tình huống trong quản lý ở những lĩnh vực kinh tế, xã hội. ▪ Bài tập tình huống, bài tập lớn, tiểu luận, phương pháp học tập theo dự án,... <p>Phương pháp học tập của SV</p>

		<p>bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Có thể làm việc trong các tổ chức hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập, các đơn vị, tổ chức kinh tế. 	<p>phong cách làm việc chuyên nghiệp .</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Có khả năng làm việc độc lập và chủ động trong công việc. ▪ Có khát vọng trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia cao cấp trong lĩnh vực kinh tế và quản lý. ▪ Có thể làm việc hiệu quả trong môi trường quốc tế. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đọc trước học liệu và chuẩn bị các câu hỏi của môn học ▪ Chủ động nghe giảng, ghi chép có chọn lọc ▪ Tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn ▪ Chủ động bố trí kế hoạch tự học ▪ Chủ động tìm đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau; quan sát, thu thập thông tin liên quan đến doanh nghiệp, liên quan đến môn học/đề tài nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên. ▪ Thực tập thực tế. <p>Điều kiện dạy và học:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu cho sinh viên ▪ Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học ▪ Tổ chức các chuyến thực tế theo nhu cầu môn học ▪ Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề từ các chuyên gia, các nhà quản lý.
--	--	---	--	--